

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
NAM

THỊ XÃ BỈM SƠN  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26- 12- 2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tống Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Đức Thẩm

Ông Vũ Văn Thoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 157/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024, về vi phạm “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị [Nguyễn Thị Kim A](#), sinh năm 1988

Nơi ĐKNKTT: SN 58 [đường N, khu phố B, phường N, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa](#).

Chỗ ở hiện nay: [Số E V, khu phố A, phường N, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa](#) (có mặt).

Bị đơn: Anh [Phạm Trọng T](#), sinh năm 1987

Nơi ĐKNKTT: SN 58 [đường N, khu phố B, phường N, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa](#).

Hiện đang chấp hành án tại đội 35, phân trại 2, [trại giam S, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa](#) (vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2024 nguyên đơn chị [Nguyễn Thị Kim A](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh [Phạm Trọng T](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại [UBND phường N, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa](#) năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tôn trọng nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, anh [T](#) chơi bời và đã bị xét xử về tội “mua bán trái phép chất ma túy” theo bản án số 113/2023/HS-ST ngày 26/5/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, hiện nay anh [T](#) đang chấp hành án tại đội 35, phân trại 2, [trại giam S, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa](#), thời gian chấp hành án 15 năm tù, đến nay mới chấp hành được hơn 2 năm tù.

Nay thực sự vợ chồng không còn tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Phạm Trọng T](#).

- Về con cái: Vợ chồng có 03 con chung: Cháu đầu tên là: [Phạm Huyền T1](#) (nữ), sinh ngày 25/5/2011, cháu thứ hai tên là [Phạm Bảo A1](#) (nữ) sinh ngày 22/8/2015, cháu thứ ba tên là [Phạm Anh T2](#) (nam), sinh ngày 20/4/2017. Nếu ly hôn chị xin được nuôi 3 cháu [T1](#), [Bảo A1](#) và [Anh T2](#) đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, chị không đề nghị anh [T](#) cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về phía bị đơn: Tại bản tự khai ngày 27/11/2024 anh [Phạm Trọng T](#) trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị [Nguyễn Thị Kim A](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Đăng ký kết hôn tại [UBND phường N](#) năm 2011. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân không hợp nhau, anh đang chấp hành án 15 năm tù về tội “mua bán trái phép chất ma túy” nên không xác định được tương lai của cuộc sống hôn nhân. Vậy nên khi chị [Nguyễn Thị Kim A](#) làm đơn ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con cái: Vợ chồng có 03 con chung: Cháu đầu tên là: [Phạm Huyền T1](#) (nữ), sinh ngày 25/5/2011, cháu thứ hai tên là [Phạm Bảo A1](#) (nữ) sinh ngày

22/8/2015, cháu thứ ba tên là [Phạm Anh T2](#) (nam), sinh ngày 20/4/2017. Nếu ly hôn anh đồng ý giao 3 con cho chị [Kim A](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện hiện anh đang chấp hành án, anh không thể tham gia giải quyết và xét xử vụ án được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh theo nguyện vọng của anh đã nêu trên.

Tại biên bản xác minh ngày 27/11/2024 ông [Trần Văn D](#) trưởng [khu phố B, phường N, thị xã B](#) cho biết: Vợ chồng anh [Phạm Trọng T](#) và chị [Nguyễn Thị Kim A](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng đăng ký kết hôn tại [UBND phường N, thị xã B](#). Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn vì không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh [T](#) không tu chí làm ăn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay anh [T](#) đang chấp hành án tại [trại giam S, Y](#) về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời gian chấp hành án 15 năm tù.

Vợ chồng có 03 con chung, cháu đầu sinh năm 2011, cháu thứ hai sinh năm 2015 và cháu thứ ba sinh năm 2017, các cháu hiện nay đang ở với mẹ. Nay chị [Kim A](#) làm đơn ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 09/12/2024 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số:157/TB-TA ngày 27/11/2024. Chị [Kim A](#) có mặt, anh [T](#) đang chấp hành án và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Vì vậy, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, chị [Kim A](#) có mặt, anh [T](#) đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị [Kim A](#) vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với anh [T](#) và chị có nguyện vọng xin được nuôi các con và không yêu cầu anh [T](#) cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự (viết tắt: BLTTDS), Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt anh [Phạm Trọng T](#).

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, 278 và Điều 280 BLTTDS;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84/ Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiêu mục 1.1 phần 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Nguyễn Thị Kim A](#)

+ Về hôn nhân: Xử cho chị [Nguyễn Thị Kim A](#) được ly hôn với anh [Phạm Trọng T.](#)

+ Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là các cháu [Phạm Huyền T1](#) (nữ), sinh ngày 25/5/2011, [Phạm Bảo A1](#) (nữ) sinh ngày 22/8/2015, [Phạm Anh T2](#) (nam), sinh ngày 20/4/2017 cho chị [Kim A](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh [T](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét.

- Về án phí DSST: Đề nghị buộc chị [Nguyễn Thị Kim A](#) phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của đương sự và Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Chị [Nguyễn Thị Kim A](#) khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Phạm Trọng T.](#) Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"; Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại [phường N, thị xã B](#), vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTDS;

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

- Về hôn nhân: Chị [Nguyễn Thị Kim A](#) và anh [Phạm Trọng T](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại [UBND phường N, thị xã B](#) đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, hơn nữa anh [T](#) chơi bời đã bị xét xử về tội "mua bán trái phép chất ma túy" đang chấp hành án 15 năm tù, nên mâu thuẫn vợ chồng

ngày càng trầm trọng. Nay chị cương quyết xin ly hôn anh I, anh I xét thấy anh đang chấp hành án 15 năm tù nên không xác định được tương lai của cuộc sống hôn nhân nên cũng đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy, vợ chồng anh chị mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, anh I đang chấp hành án thời gian quá lâu, hai vợ chồng ở xa nhau không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Kim A, xử cho chị Kim A được ly hôn với anh I là phù hợp.

- Về con cái: Vợ chồng có 03 con chung: Cháu đầu tên là: Pham Huyền T1 (nữ), sinh ngày 25/5/2011, cháu thứ hai tên là Pham Bảo A1 (nữ) sinh ngày 22/8/2015, cháu thứ ba tên là Pham Anh T2 (nam), sinh ngày 20/4/2017. Chị Kim A xin được nuôi dưỡng 3 cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, chị Kim A không yêu cầu anh I cấp dưỡng nuôi con chung. Anh I đồng ý giao 3 con cho chị Kim A nuôi dưỡng vì anh cho rằng anh đang chấp hành án nên không có khả năng chăm sóc các con. HĐXX thấy, anh I hiện nay đang chấp hành án phạt tù 15 năm, mới chấp hành án được hơn 2 năm nên không có điều kiện để chăm sóc các cháu, chị Kim A đang làm việc tại Ngân hàng V công việc ổn định, hơn nữa nguyện vọng của 3 cháu cũng xin được ở với mẹ. Vì vậy, cần giao cháu Pham Huyền T1, Pham Bảo A1 và Pham Anh T2 cho chị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh I không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thi Kim A phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Bởi những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* *Căn cứ:* Khoản 1 Điều 28, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiêu mục 1.1 phần 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

\* *Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Nguyễn Thị Kim A](#)

- Về hôn nhân: Xử cho chị [Nguyễn Thị Kim A](#) được ly hôn với anh [Phạm Trọng T.](#)

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là [Phạm Huyền T1](#) (giới tính:nữ), sinh ngày 25/5/2011, [Phạm Bảo A1](#) (giới tính: nữ) sinh ngày 22/8/2015 và cháu [Phạm Anh T2](#) (giới tính: nam), sinh ngày 20/4/2017 cho chị [Nguyễn Thị Kim A](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh [Phạm Trọng T](#) không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

\* Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí DSST: Chị [Nguyễn Thị Kim A](#) phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị [Kim A](#) đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bỉm Sơn theo biên lai thu số: 0004653 ngày 22/11/2024. Như vậy, chị [Nguyễn Thị Kim A](#) đã nộp đủ án phí DSST.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị [Nguyễn Thị Kim A](#), vắng mặt anh [Phạm Trọng T.](#)

Chị [Kim A](#) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/12/2024), anh [T](#) vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhân:***

- VKSND thị xã Bỉm sơn;

**TÒA**

- Đương sự;

- UBND phường Ngọc Trạo

(ĐK ngày 09/5/2011);

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

-THA Dân sự thị xã Bỉm Sơn;

- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN**

**TỔNG THỊ HÀ**

